

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc.**

Bản án: 15/2018/DS - ST.

Ngày: 23/4/2018.

V/v: “*Tranh chấp về việc kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Luyến.

2. Ông Nguyễn Văn Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2017/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2017, về “*Kiện đòi tài sản*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST – DS, ngày 06/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4 - B – T – Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tấn P, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 1 -H – T – Bình Thuận: Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 1 - Thôn 4 - B – T – Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Anh Nguyễn Trọng H trình bày như sau:

Vào ngày 10/5/2017 anh Phạm Tấn P điện thoại cho anh Nguyễn Trọng H để mượn một chiếc xe mô tô đi cầm cố lấy tiền; trong thời hạn 3 ngày sẽ trả lại xe cho anh H thì anh H đồng ý. Anh Nguyễn Trọng H điều khiển xe mô tô biển số 86B7 - 156.63 đi đến nhà trọ Gia Bảo ở B cho P mượn. Sau đó, Phạm Tấn P cùng

Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng T đi đến tiệm cầm đồ Minh Cảnh ở thôn 3 - H - T để cầm cố chiếc xe mô tô của anh H với số tiền là 13.000.000đ. Anh H đã giao cho Phạm Tấn P số tiền 13.000.000đ. Mặc dù, đã hết thời hạn trả số tiền này; thế nhưng, anh Phạm Tấn P vẫn chưa hoàn trả lại cho anh H 13.000.000đ, Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Tấn P phải trả lại số tiền 13.000.000đ.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – Anh Phạm Tấn P trình bày:

Vào ngày 10/5/2017 anh Nguyễn Trọng T nhờ Phạm Tấn P điện thoại cho anh Nguyễn Trọng H mượn xe mô tô để đi cầm lấy tiền. Anh Nguyễn Trọng H điều khiển xe mô tô đến nhà trọ Gia Bảo để cho anh T mượn xe. Sau đó, anh Phạm Tấn P cùng Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng T đi đến tiệm cầm đồ Minh Cảnh cầm chiếc xe mô tô của anh H với số tiền là 13.000.000đ. Thời điểm này, anh H là người trực tiếp thỏa thuận và ký các giấy tờ liên quan đến việc cầm cố xe. Sau khi anh H nhận số tiền 13.000.000đ thì anh H đưa cho anh P. Sau đó, anh P đưa qua lại cho Nguyễn Trọng T.

Anh Phạm Tấn P cho rằng: Chiếc xe mô tô của anh H là do Nguyễn Trọng T mượn, anh P không có liên quan gì. Do đó, anh P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc buộc anh P phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh H số tiền 13.000.000đ. Việc cầm cố xe hay mượn tiền của anh H là do anh Nguyễn Trọng T phải chịu trách nhiệm.

[3] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Trọng T trình bày:

Vào khoảng tháng 5/2017 tại nhà trọ Gia Bảo ở xã B, Nguyễn Trọng T nghe anh Phạm Tấn P điện thoại cho Nguyễn Trọng H để mượn chiếc xe trong thời hạn 3 ngày để cầm cố lấy tiền. Sau đó, Nguyễn Trọng T cùng Nguyễn Trọng H, Phạm Tấn P đi đến tiệm cầm đồ Minh Cảnh ở H. Tại đây, H và P vào thỏa thuận để cầm cố xe cho tiệm cầm đồ Minh Cảnh với số tiền là 13.000.000đ. Sau khi nhận tiền thì anh Nguyễn Trọng H đưa 13.000.000đ cho anh Phạm Tấn P. Việc cầm cố xe của anh H để lấy số tiền 13.000.000đ là do Phạm Tấn P mượn của anh H, Nguyễn Trọng T không liên quan gì nên anh T không chấp nhận lời khai của Phạm Tấn P khi cho rằng anh T là người mượn xe để anh H đi cầm cố để lấy số tiền 13.000.000đ.

[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Các đương sự thừa nhận: Vào tháng 05/2017, anh H có cầm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter với giá 13.000.000đ ở cửa hàng xe mô tô Minh Cảnh.

[5]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Các đương sự không thống nhất về người mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter của anh H để đi cầm cố. Cụ thể: Anh H và anh T cho rằng anh P là người mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter của anh H để đi cầm cố với giá 13.000.000đ; còn anh P cho rằng anh T là người mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter của anh H để đi cầm cố với giá 13.000.000đ chứ không phải là anh P.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 163, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng H về việc buộc anh Phạm Tấn P phải trả cho anh H số tiền 13.000.000đ.

Về án phí: Anh Phạm Tấn P phải nộp 650.000đ án phí DSST; trả lại cho anh H 325.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Anh Nguyễn Trọng H yêu cầu buộc bị đơn – Anh Phạm Tấn P phải trả số tiền là 13.000.000đ do anh P mượn chiếc xe mô tô của anh H để đi cầm cố vào tháng 05/2017. Ngoài ra các bên đương sự đều không có yêu cầu gì khác. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS và Điều 166 BLDS năm 2015. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Trọng H:

Anh Nguyễn Trọng H cho rằng: Vào ngày 10/5/2017 anh Phạm Tấn P đã mượn của anh H một chiếc xe mô tô để đi cầm cố lấy số tiền 13.000.000đ, đến nay anh P vẫn chưa trả lại cho anh H số tiền này. Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu anh P phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 13.000.000đ cho anh H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Tấn P đều không thừa nhận vào ngày 10/5/2017 đã mượn của anh H chiếc xe mô tô để đi cầm cố lấy số tiền 13.000.000đ, mà chiếc xe này là do Nguyễn

Trọng T mượn của anh H. Nguyễn Trọng T là người nhận và sử dụng số tiền 13.000.000đ từ việc cầm cố chiếc xe của anh H. Thế nhưng, anh P thừa nhận: Vào ngày 10/5/2017 anh P là người điện thoại cho anh Nguyễn Trọng H để mượn xe mô tô. Tại tiệm cầm đồ Minh Cảnh ở xã H, anh P là người trực tiếp thỏa thuận để cầm cố chiếc xe của anh H. Sau khi anh H làm các thủ tục để cầm cố chiếc xe này với số tiền là 13.000.000đ thì anh H đã giao số tiền này lại cho Phạm Tấn P. Sau đó, anh Phạm Tấn P đã giao số tiền 13.000.000đ này lại cho anh T.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng T không chấp nhận lời trình bày của anh P vì thời điểm 10/5/2017 Phạm Tấn P mượn xe của anh H để đi cầm cố lấy số tiền 13.000.000đ. Anh Nguyễn Trọng T không có liên quan gì đến số tiền này.

Xét thấy: Anh Phạm Tấn P cho rằng vào ngày 10/5/2017 anh Nguyễn Trọng T là người nhờ P điện thoại cho anh H để mượn xe mô tô đi cầm cố lấy tiền. Sau khi nhận 13.000.000đ từ anh H thì anh P đã giao số tiền này lại cho anh Nguyễn Trọng T. Thế nhưng, anh Phạm Tấn P không có chứng cứ gì chứng minh vấn đề này. Trong khi đó, anh Nguyễn Trọng H xác định vào ngày 10/5/2017 cho Phạm Tấn P mượn xe và sau khi cầm cố xe đã giao cho P số tiền 13.000.000đ. Anh Nguyễn Trọng T chưa bao giờ thỏa thuận mượn xe của anh H. Cho nên, việc mượn xe này anh T không có liên quan gì. Anh Nguyễn Trọng T cũng không thừa nhận vào ngày 10/5/2017 đã nhờ P điện thoại cho anh H để mượn xe và cũng không nhận số tiền 13.000.000đ từ Phạm Tấn P. Do đó, việc anh Phạm Tấn P cho rằng chiếc xe mô tô của anh H do Nguyễn Trọng T mượn là không có căn cứ để chấp nhận. Cho nên, yêu cầu của anh Nguyễn Trọng H về việc buộc anh Phạm Tấn P phải trả lại số tiền 13.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 158, 166 BLDS năm 2015.

[3] Về tiền lãi:

Anh Nguyễn Trọng H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 13.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc anh Phạm Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Các Điều 158, 166, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Anh Nguyễn Trọng H:

- Buộc anh Phạm Tấn P phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ *Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.*

+ *Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm*

Về án phí: Buộc anh Phạm Tấn P phải nộp 650.000đ án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 325.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số N0012337, ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/4/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Yến